

Phụ lục
DANH MỤC YÊU CẦU CHÀO GIÁ
Gói thầu: Mua vật tư y tế, sinh phẩm và hóa chất sử dụng năm 2024-2025
tại Trung tâm Y Trung tâm Y tế thành phố Bến Tre
(Kèm theo Giấy mời số /TM-TTYT ngày tháng 7 năm 2024)

ST T	Danh mục hàng hóa mời chào giá	Yêu cầu thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
I. Vật tư y tế, sinh phẩm y tế				
1	Băng dính cá nhân	Kích thước: 19mm x 72mm	miếng	40,000
2	Bơm tiêm Insulin	Bơm tiêm insulin 100UI/1ml (kim 30G x 1/2") Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP	cái	230,000
3	Bơm tiêm nhựa liền kim 3ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 3ml Kim: 25 G x 5/8 Dùng trong y tế, không có chất DEHP Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	cái	5,000
4	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml Kim: 23G x 1" Dùng trong y tế, không có chất DEHP Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	cái	15,000
5	Chỉ tan chậm tự nhiên số 3/0	Chỉ tan chậm tự nhiên số 3/0, chỉ dài 75cm, kim tròn	Tép	480
6	Dầu parafin	Chất lỏng trơn, trong suốt, không màu, không mùi	Lít	100
7	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dụng cụ	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao Glutaraldehyde 2% Can 5 lít	lít	30
8	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Thành phần: Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 73% (v/v); và các chất phụ gia, chất dưỡng da vừa đủ 100%. Chai 500ml	Chai	50
9	Găng tay khám bệnh	Chất liệu: 100% cao su tự nhiên, có bột, màu trắng tự nhiên có nhám đầu ngón tay. Có các cỡ: XS, S, M. Chiều dài các cỡ tối thiểu 220mm trở lên	đôi	30,000
10	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng số 6.5, 7. Túi 01 cái, làm từ cao su tự nhiên. Tiệt trùng bằng khí E.O	đôi	3,000
11	Gel siêu âm	Thành phần: Carbomer, glycerin, paraben, color, water,... Dùng trong siêu âm chẩn đoán hình ảnh. Can 5 lít	lít	20
12	Giấy y tế	Là loại giấy dùng trong y tế, để lau sạch bề mặt Kích thước 40cm x 25cm	kg	100

ST T	Danh mục hàng hóa mời chào giá	Yêu cầu thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
13	Gạc vô trùng	Gạc đã tiệt trùng; Kích thước: 8cm x 9cm	Miếng	1,200
14	Kim châm cứu các cỡ	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần Kích thước: 0.30 x 30mm; 0.30 x 40mm; 0.30 x 70mm	Cây	35,000
15	Kim đẩy chỉ	Kim đẩy chỉ vô trùng dùng 01 lần gồm phần đẩy chỉ đầu bằng và phần cán Kích thước: 0.30 x 33mm	Cây	2,400
16	Kim lấy thuốc	Kim số 23G	Cây	20,500
17	Kim lấy máu	Dùng chích máu để thử đường huyết mao mạch Kim đã được tiệt trùng	Cây	3,000
18	Khẩu trang y tế 4 lớp	Khẩu trang y tế 4 lớp	Cái	22,000
19	Khẩu trang y tế 3 lớp	Khẩu trang y tế 3 lớp	Cái	20,000
20	Lam kính nhám 7105	Lam kính nhám. Độ dày: 1.0-1.2mm. Kích thước: 25.4mm - 76.2mm. Quy cách: 72 miếng/hộp	miếng	2,880
21	Lọ đựng đựng mẫu bệnh phẩm	Lọ nhựa đựng mẫu PS, dung tích 55ml, nắp đỏ, có nhãn	lọ	5,000
22	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm	Lọ nhựa PS trắng trong, dung tích 50 ml, nắp nhựa có gắn muống, có chất bảo quản. Dùng để lưu và vận chuyển mẫu.	lọ	200
23	Máy đo huyết áp cơ người lớn	Độ chính xác ± 3 mmHg. Đồng hồ áp lực hiển thị áp suất chuẩn (không bị lệch điểm không). Có giấy kiểm định ban đầu cho mỗi đơn vị sản phẩm khi cung cấp.	Cái	20
24	Máy đo huyết áp cơ trẻ em	Độ chính xác ± 3 mmHg. Đồng hồ áp lực hiển thị áp suất chuẩn (không bị lệch điểm không). Có giấy kiểm định ban đầu cho mỗi đơn vị sản phẩm khi cung cấp.	Cái	5
25	Ống ly tâm 50ml đáy nhọn, nắp vận tiệt trùng	Ống được làm bằng nhựa PP Kích thước: 28.5 x 114mm	ống	200
26	Ống nghiệm EDTA K2	Ống nghiệm có kích thước 12x75mm, được làm bằng nhựa y tế PP, nắp cao su. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA)	ống	6,000
27	Ống nghiệm Heparin	Ống nghiệm được làm bằng nhựa PP, kích thước (12x 75) mm, nắp nhựa màu đen. Hóa chất bên trong là Heparin Lithium giúp chống đông máu	ống	10,000
28	Ống nghiệm nhựa 5ml có nắp	Ống nghiệm nhựa PP 5ml, kích thước 12x75mm, nắp nhựa màu trắng.	ống	2,000

ST T	Danh mục hàng hóa mời chào giá	Yêu cầu thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
29	Ống nghiệm Serum plast	Ống nghiệm nhựa PP 5ml, kích thước 12x75mm, nắp nhựa màu đỏ, bên trong có chứa hạt nhựa PS	ống	6,000
30	Phim X-quang khô laser	Phim X-quang phục vụ nhu cầu in ấn trong y khoa : - Sử dụng tương thích máy in kỹ thuật số Konica Drypro model 832 - Kích thước: 20 x 25cm (8x10 inch)	Tấm	5,000
31	Phim X-quang khô laser	Phim X-quang phục vụ nhu cầu in ấn trong y khoa : - Sử dụng tương thích máy in kỹ thuật số Konica Drypro model 832 - Kích thước: 25 x 30cm	Tấm	2,000
32	Que đũa lưỡi gỗ	Mỗi cây (que) có bao gói riêng. Tiệt trùng	cây	5,000
33	Que thử đường huyết	Tương thích với máy Accu-check Active	que	3,000
34	Sáp Parafin	Vật liệu rắn ở nhiệt độ môi trường, nóng chảy ở nhiệt độ cao.	kg	100
35	Tăm bông lấy mẫu vô trùng	Que 12x150mm, đầu nhựa, đựng trong ống nhựa có nắp, đã tiệt trùng. 1 que/ống	Cái	300
36	Test nhanh chẩn đoán HBsAg/Phát hiện định tính kháng nguyên virus viêm gan B	Test nhanh chẩn đoán HBsAg/Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần	test	1,000
37	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết NS1 Ag	Test thử phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 Ag.trong huyết thanh, huyết tương người Độ nhạy 92% Độ đặc hiệu: 99.9%	test	200
38	Test nhanh phát hiện kháng thể HCV	Định tính phát hiện kháng thể HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương Đạt tiêu chuẩn ISO-13485	test	700
39	Test nhanh phát hiện kháng thể HIV	Định tính phát hiện kháng thể virus HIV trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người Độ nhạy $\geq 99.47\%$ Độ đặc hiệu: $\geq 99.87\%$	test	200
40	Test nhanh phát hiện kháng thể IgM kháng virus viêm gan A	Test nhanh phát hiện kháng thể IgM kháng virus viêm gan A trong huyết thanh, huyết tương người.	test	4,000
41	Test nhanh phát hiện kháng thể IgM kháng virus viêm gan E	Test nhanh phát hiện kháng thể IgM kháng virus viêm gan E trong huyết thanh, huyết tương người	test	4,000

ST T	Danh mục hàng hóa mời chào giá	Yêu cầu thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
42	Test nhanh phát hiện 4 chất gây nghiện trong nước tiểu	Test thử phát hiện đồng thời 4 chất MOP, MDMA, MET, THC trong mẫu nước tiểu.	test	4,000
43	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu A	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu A hệ ABO Lọ >= 10ml	Lọ	2
44	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu B	Thuốc thử xét nghiệm nhóm máu B hệ ABO Lọ >= 10ml	Lọ	2
II. Hóa chất xét nghiệm				
1. Bộ hóa chất xét nghiệm Lao (01 mặt hàng)				
45	Bộ hóa chất nhuộm Lao	Bộ hóa chất nhuộm Ziehl Neelsen gồm 3 chai: Methylene Blue, Carbol Fuchsin, Hydrochloric acid in ethanol	Bộ	60
2. Hóa chất xét nghiệm tương thích máy phân tích nước tiểu SYSMEX UC1000 (01 mặt hàng)				
46	Que thử nước tiểu 10 thông số	Dùng cho máy SYSMEX UC1000. Gồm 10 thông số có thứ tự như sau: Urobilinogen, Bilirubin, Ketones, Blood, Protein, Nitrite, Leukocyte, Glucose, Specific Gravity, PH	Test	5,000
3. Hóa chất xét nghiệm tương thích máy sinh hóa tự động Monarch 240 (23 mặt hàng)				
47	Cuvette	Cuvette phản ứng được làm bằng nhựa quang học.	bộ	4
48	Bóng đèn halogen máy sinh hoá	Bóng đèn halogen máy sinh hoá, thời gian sử dụng 2000 giờ	cái	4
49	Cốc đựng mẫu dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động	Cốc đựng mẫu dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động, Dung tích 2ml, dạng nhựa trong suốt	cái	1,000
50	Chất tẩy rửa dùng cho máy sinh hóa tự động	Chất tẩy rửa sử dụng cho máy sinh hoá tự động	ml	78,000
51	Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức 2	Nội kiểm sinh hóa mức 2 từ huyết thanh dạng đông khô gồm 70 thông số	ml	500
52	Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức 3	Nội kiểm sinh hóa mức 3 từ huyết thanh dạng đông khô gồm 70 thông số	ml	500
53	Hóa chất chuẩn chung sinh hóa mức 3	Chất chuẩn chung sinh hóa mức 3 từ huyết thanh dạng đông khô gồm 42 thông số	ml	200
54	Hóa chất xét nghiệm Calcium	Xét nghiệm Calcium trong máu. Độ tuyến tính: 4.8mmol/l. Độ nhạy 0.05mmol/l	ml	720
55	Hóa chất xét nghiệm Creatine	Xét nghiệm Creatine trong máu và nước tiểu bằng phương pháp Enzymatic. Độ tuyến tính 8840µmol/l	ml	3,200
56	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	Xét nghiệm Cholesterol trong máu. Độ tuyến tính 20mmol/l (774mg/dl), Độ nhạy: 0.2mmol/l (7.74mmg/dl)	ml	4,800

ST T	Danh mục hàng hóa mời chào giá	Yêu cầu thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
57	Hoá chất xét nghiệm GGT	Hoá chất xét nghiệm GGT trong máu. Độ tuyến tính: 450U/L.Blank Absorbance≤0.8	ml	3,750
58	Hoá chất xét nghiệm Glucose	Hoá chất xét nghiệm Glucose máu. Phương pháp GOD PAP. Thử nghiệm tuyến tính lên đến 30,0 mmol/l (550mg/dl). Đo chính xác mức đường huyết xuống 0,35 mmol/l (6,3mg/dl)	ml	4,800
59	Hoá chất xét nghiệm HDL cholesterol trực tiếp	Hoá chất xét nghiệm HDL cholesterol trực tiếp. Độ tuyến tính 150mg/dl, Blank absorbance≤0.2	ml	1,600
60	Hóa chất xét nghiệm AST	Xét nghiệm AST trong máu. Độ tuyến tính 1000U/L	ml	3,750
61	Hóa chất xét nghiệm ALT	Xét nghiệm ALT trong máu. Độ tuyến tính 1,000U/L	ml	3,750
62	Hóa chất xét nghiệm Triglyceride	Xét nghiệm Triglyceride trong máu. Độ tuyến tính: 9.0mmol/l.	ml	3,750
63	Hóa chất xét nghiệm Urea	Xét nghiệm Urea trong máu. Độ tuyến tính 35mmol/l. Độ nhạy: 0.12mmol/l	ml	3,750
64	Hoá chất xét nghiệm Acid uric	Hoá chất xét nghiệm Acid uric trong máu. Độ tuyến tính: 1.5mmol/l. Độ nhạy 0.08mg/dl	ml	1,125
65	Hóa chất xét nghiệm Glycated Albumin	Xét nghiệm Glycated Albumin trong huyết thanh	ml	50
66	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Xét nghiệm Bilirubin toàn phần trong máu. Độ tuyến tính 684μmol/l, độ nhạy: 0.1782μmol/l. Bước sóng: 450,546nm	ml	400
67	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Xét nghiệm Bilirubin trực tiếp trong máu. Độ tuyến tính 342μmol/l, độ nhạy: 0.299μmol/l. Bước sóng: 450,546nm	ml	400
68	Xét nghiệm HBA1C bằng phương pháp men trực tiếp	Hoá chất xét nghiệm HBA1C. Phương pháp Latex Immunoturbidimetric. Độ tuyến tính: 16%. Blank Absorbance: ≤0.7	ml	240
69	Chất chuẩn HBA1C Calibrator	Hoá chất chuẩn HBA1C máu	ml	6
4. Hóa chất xét nghiệm tương thích máy huyết học Sysmex XN 330 (8 mặt hàng)				
70	Dung dịch kiểm rửa máy	Dung dịch kiểm rửa máy huyết học	ml	640
71	Dung dịch pha loãng	Dung dịch pha loãng dùng cho máy huyết học	ml	480,000
72	Dung dịch nhuộm dùng	Dung dịch nhuộm dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	ml	252
73	Dung dịch ly giải	Dung dịch ly giải dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	ml	24,000

ST T	Danh mục hàng hóa mời chào giá	Yêu cầu thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
74	Dung dịch đo hemoglobin	Dung dịch đo hemoglobin	ml	9,000
75	Chất chuẩn huyết học mức 1	Chất chuẩn huyết học mức 1	ml	60
76	Chất chuẩn huyết học mức 2	Chất chuẩn huyết học mức 2	ml	60
77	Chất chuẩn huyết học mức 3	Chất chuẩn huyết học mức 3	ml	60
5. Hóa chất xét nghiệm tương thích máy HumaMeter A1C (02 mặt hàng)				
78	Hóa chất chuẩn máy	Chất hiệu chuẩn sử dụng cho máy HumaMeter A1c	ml	14
79	Hóa chất xét nghiệm đường huyết	Bộ hóa chất sử dụng cho máy HumaMeter A1c	Test	200
6. Hóa chất xét nghiệm tương thích cho máy phân tích điện giải EasyLyte Na/K/Cl (07 mặt hàng)				
80	Dung dịch rửa sạch hằng ngày	Dung dịch rửa sạch hằng ngày giúp loại bỏ protein có trong điện cực, ống dẫn mẫu, dây bơm không chứa chất Ammonium Biflouride. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	ml	540
81	Hóa chất điện giải dùng để xác định nồng độ Na/K/Cl	Hóa chất điện giải dùng để xác định nồng độ Na/K/Cl trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu.	ml	4,800
82	Điện cực chuẩn Ref	Điện cực chuẩn Referene sử dụng cho máy	cái	1
83	Điện cực Na	Điện cực Natri sử dụng cho máy	cái	1
84	Điện cực K	Điện cực Kali sử dụng cho máy	cái	1
85	Điện cực Cl	Điện cực Clorua sử dụng cho máy	cái	1
86	Dây bơm	Dây bơm cao su sử dụng cho máy	cái	1
Tổng: 86 khoản				